

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HS-ST

Ngày: 20-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dũng
Ông Nguyễn Viết Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 2002, tại T; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Số 32, đường Đ, khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; Con ông Huỳnh Văn L và bà Thạch Thị H; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị A và 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cầm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 186, đường C, khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Văn S, ngày 10/8/2008; (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Văn S: Ông Nguyễn Trọng N sinh năm 1985 (cha ruột).

Cùng địa chỉ: Số 3, đường Đ, khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ.

2. Nguyễn Thị A, sinh năm 2004; (có mặt)

Địa chỉ: Số 3, đường Đ, khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/02/2024, Huỳnh Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 84M1-214.74 từ nhà tại địa chỉ số 3, đường Đ, khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ, đi ngang nhà chị Nguyễn Thị Thùy T, quan sát thấy có bày mâm đồ cúng, trên mâm đồ cúng có nhiều tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng, được đặt trong cái tô có nước tại khu vực vỉa hè, trước nhà số 1, đường C khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ. Lúc này tại mâm đồ cúng và trước cửa nhà không có người trông coi nên Đ nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài. Đ quay xe trở về nhà rủ em vợ là Nguyễn Văn S sinh ngày 10/8/2008 cùng đi lấy trộm tài sản thì S đồng ý nên Đ điều khiển xe mô tô chở S ngồi sau. Khi đến địa điểm trên, Đ dùng xe cạnh mâm đồ cúng để S lén lút lấy trộm toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng của chị T rồi cùng nhau tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát S để rơi mất số tiền 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 9.000.000 đồng, Đ chia cho Sang 1.000.000 đồng, S đã tiêu xài 500.000 đồng từ số tiền này, Đ giữ 1.000.000 đồng để tiêu xài, đưa cho vợ tên Nguyễn Thị A giữ số tiền 7.000.000 đồng. Khi đưa tiền, Đ nói số tiền trên là tiền do để dành mà có chứ không nói rõ là tiền vừa trộm được. A đã tiêu xài 1.000.000 đồng từ số tiền này.

Đối với chị T đang làm công việc trong nhà, do nghe tiếng pô xe mô tô nổ lớn trước cửa nhà nên chị T đi ra xem thì phát hiện số tiền 10.000.000 đồng nêu trên đã bị mất trộm. Ngày 06/02/2024 chị T đến Công an trình báo vụ việc, Công an Phường, thành phố C đã mời Đ và S làm việc cả 02 thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản của chị T và tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng đã lấy trộm của chị T. Xét thấy, vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên Công an Phường đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C để giải quyết theo thẩm quyền.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 84M1-214.74, màu xanh là phương tiện Đ dùng chở S đi trộm; 01 áo thun ngắn tay màu đen, 01 áo thun ngắn tay màu nâu, 01 quần thun ngắn màu nâu là quần áo mặc khi đi trộm cắp tài sản.

Bản kết luận định giá tài sản số 346/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cao Lãnh, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha màu xanh, biển số 84M1- 214.74, số máy G3E6E06508300, số khung MH3UG0750NK117963, đã qua sử dụng, trị giá 10.166.666 đồng.

Đối với 01 áo thun màu đen ngắn tay, 01 áo thun màu nâu ngắn tay, 01 quần thun ngắn màu nâu là tài sản của Đ tự nguyện giao nộp, có trị giá không lớn nên Đ không có yêu cầu nhận lại. Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 84M1-214.74, màu xanh. Đ là tài sản chung của vợ chồng Huỳnh Văn Đ và Nguyễn Thị A do Đ đứng tên chủ sở hữu, ngày 04/02/2024 Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Đối với Nguyễn Thị A khi nhận tiền từ Đ, hoàn toàn không biết do Đ lấy trộm và đã giao nộp cho Công an Phường để trả lại cho người bị hại nên không xem xét xử lý. Đối với Nguyễn Văn S tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, S chỉ 15 tuổi 05 tháng 25 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách

nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã tách hồ sơ chuyển xử lý hành chính theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị mất trộm là 10.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Đối với số tiền 1.000.000 đồng và 500.000 đồng do A và S đã tiêu xài hết, Đ đã bồi thường xong cho người bị hại, Đ không yêu cầu A và S trả lại nên không xem xét.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Huỳnh Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên và phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số: 54/CT-VKS-TPCL ngày 30 tháng 5 năm 2024, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn Đ, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu và thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, xác định Viện kiểm sát truy tố không oan cho bị cáo. Bị cáo khai nhận vào chiều ngày 04/02/2024, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 84M1-214.74 chở con gái đi chơi, khi điều khiển xe chạy ngang tiệm Spa của chị Nguyễn Thị Thùy T tại địa chỉ số 1, đường C, khóm 4, Phường 2, thành phố C thì nhìn thấy chị T có bày mâm đồ cúng, không người trông coi, trên mâm cúng có nhiều tiền với mệnh giá 500.000 đồng nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài cá nhân. Bị cáo quay trở về nhà kêu Nguyễn Văn S là em vợ của bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm số tiền cúng. Bị cáo xác định số tiền cúng bị cáo đã trộm của chị T là 10.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường xong cho chị T, bị cáo không có yêu cầu A và S phải trả lại số tiền A và S đã tiêu xài.

Đối với quần áo bị thu giữ, không có giá trị bị cáo không yêu cầu nhận lại. Đối với chiếc xe Yamaha màu xanh, biển số 84M1- 214.74 là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo điều khiển xe đi trộm vợ bị cáo không biết, bị cáo thống nhất tịch thu sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

- Chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị A là vợ của bị cáo, việc bị cáo đem tiền đã lấy trộm về đưa chị A, chị A có hỏi nhưng bị cáo nói tiền bị cáo để dành nên chị A không biết đây là tiền bị cáo đã lấy trộm, khi bị cáo tự nhiên đưa số tiền nhiều cho chị A, chị A cũng đã lo lắng.

Về chiếc xe bị cáo điều khiển làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo Đ điều khiển xe đi trộm cắp tài sản chị A không biết, hiện tại gia đình đang rất khó khăn, chị A xin Hội đồng xét xử xem xét cho chị A được nhận lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp trình bày luận tội:* Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Đ, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ mức án tù từ 06 tháng tù đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun ngắn tay, màu nâu đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay, màu đen, phía sau có dòng chữ BURBERRY đã qua sử dụng, 01 quần thun ngắn, màu nâu đã qua sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: ½ giá trị xe mô tô biển số 84M1-214.74, nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu xanh - đen, số máy G3E6E06508300; số khung MH3UG0750NK117963, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Nguyễn Thị A được nhận lại ½ giá trị xe mô tô nêu trên.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận hay bào chữa gì đối với lời luận tội của Kiểm sát viên. Nguyễn Thị A không ý kiến trình bày tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng án treo, để có điều kiện chăm sóc cho vợ và con bị cáo còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/4/2024, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 84M1- 214.74 chở theo Nguyễn Văn S đến trước cửa tiệm Spa của chị Nguyễn Thị Thùy T tại địa chỉ số 1, đường C, khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ lén lút lấy trộm số tiền 10.000.000 đồng do chị T bày trên mâm cúng.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe để tìm công việc tạo ra thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và chăm lo gia đình, tuy nhiên vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động vất vả, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác một trái pháp luật.

Bị cáo nhận thức được tiền cúng trên mâm không phải tiền cúng xong rồi bỏ, nên bị cáo đã đợi đến khi không có người trông coi, lén lút điều khiển xe đến chỗ mâm cúng rồi kêu S xuống lấy trộm tiền và nhanh chóng điều khiển xe rời khỏi, khi nghe tiếng xe của bị cáo, bị hại đã chạy ra mâm cúng nhưng bị cáo đã lấy tiền xong và điều khiển xe rời khỏi hiện trường, vì vậy bị hại đã đến trình báo với Công an về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo. Do đó, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Từ những phân tích nêu trên, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo Huỳnh Văn Đ về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 173. Bộ luật hình sự, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chủ động giao nộp tài sản lấy trộm để khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra đã xử lý xong, không ai có ý kiến yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với quần áo thu giữ trong quá trình điều tra, là quần áo do bị cáo và S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai yêu cầu được nhận lại, đồng thời quần áo đã qua sử dụng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy 01 áo thun ngắn tay, màu nâu đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay màu đen, 01 quần thun ngắn, màu nâu đã qua sử dụng là phù hợp.

[7.2] Đối với chiếc xe mô tô biển số 84M1-214.74, nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu xanh - đen là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, việc bị cáo điều khiển xe đi trộm cắp tài sản vợ của bị cáo là Nguyễn Thị A không biết, đồng thời Nguyễn Thị A có đơn xin cứu xét, hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, Nguyễn Thị A đang nuôi con nhỏ và xin được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe vì đây là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và Nguyễn Thị A được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là phù hợp.

[8] Các vấn đề khác: Quá trình điều tra truy tố, Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát xác định: Nguyễn Thị A khi nhận tiền từ bị cáo, hoàn toàn không biết do bị cáo lấy trộm và đã giao nộp cho Công an Phường để trả lại cho người bị hại nên không xem xét xử lý; Đối với Nguyễn Văn S tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Sang chỉ 15 tuổi 05 tháng 25 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã tách hồ sơ chuyển xử lý hành chính theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về quan điểm trình bày luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và hình phạt là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn Đ, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun ngắn tay, màu nâu đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay, màu xanh phía sau có dòng BURBERRY đã qua sử dụng và 01 quần thun ngắn;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô biển số 84M1-214.74, nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu xanh - đen, số máy G3E6E06508300; số khung MH3UG0750NK117963, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Nguyễn Thị A được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô biển số 84M1-214.74, nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu xanh - đen, số máy G3E6E06508300; số khung MH3UG0750NK117963, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- Cơ quan điều tra CA TP. Cao Lãnh;
- Cơ quan THAHS CA TP. Cao Lãnh;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ong Thị Ngọc Tâm